TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 155/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự về hôn nhân gia đình:

- Bà Mai Ánh N, sinh năm 1991; nơi cư trú: số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Phạm Đoàn D, sinh năm 1987; nơi cư trú: số C, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2014 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 14/6/2024, bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Mai Thành H, sinh ngày 30/3/2016, sau khi ly hôn, ông D trực tiếp nuôi con, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: giao cho ông Phạm Đoàn D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Mai Thành H, sinh ngày 30/3/2016. Ghi nhận ông Phạm Đoàn D không yêu cầu bà Mai Ánh N cấp dưỡng nuôi con.

Bà Mai Ánh N được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002568 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Vậy, lệ phí bà Mai Ánh N, ông Phạm Đoàn D đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Mỹ Thạnh An, TPBT;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Ngô Văn Trình